

UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
BAN CHỈ ĐẠO TĐT KINH TẾ VÀ  
ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH  
TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2021

Số: /BCĐ-TTT  
V/v đơn đốc hoàn thiện phiếu  
đơn vị sự nghiệp, hiệp hội Tổng  
điều tra kinh tế năm 2021

Kính gửi:

- Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục Thống kê Khu vực; Chi cục Thống kê các huyện, thành phố;
- Giám sát viên cấp tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021; Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở Hành chính năm 2021;

Đến nay, qua theo dõi tiến độ phiếu điều tra cho thấy tiến độ quá chậm. Đối với đơn vị sự nghiệp, Tỷ lệ ĐTV xác nhận hoàn thành mới đạt 65,17%; Đối với đơn vị hiệp hội, Tỷ lệ ĐTV xác nhận hoàn thành mới đạt 90,91%; Đối với Doanh nghiệp, còn quá chậm, Tỷ lệ ĐTV xác nhận hoàn thành mới đạt 4,87%;

Cụ thể:

## I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

### A. Đơn vị Sự nghiệp:

STT	Đơn vị Sự nghiệp	Được giao	Đang kê khai	Đã hoàn thành	Chưa kê khai	Đã hoàn thành - chưa xác nhận	Đã hoàn thành - ĐTV đã xác nhận	Tỷ lệ ĐTV xác nhận	Tỷ lệ hoàn thành
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>1.180</b>	<b>48</b>	<b>1.112</b>	<b>20</b>	<b>343</b>	<b>769</b>	<b>65,17</b>	<b>94,24</b>
1	Buôn Ma Thuột	151	18	116	17	6	110	72,85	76,82
2	Thị Xã Buôn Hồ	68	0	68	0	68	0	0	100
3	Huyện Ea H'leo	78	3	75	0	45	30	38,46	96,15
4	Huyện Ea Súp	53	9	44	0	4	40	75,47	83,02

STT	Đơn vị Sự nghiệp	Được giao	Đang kê khai	Đã hoàn thành	Chưa kê khai	Đã hoàn thành - ĐTV chưa xác nhận	Đã hoàn thành - ĐTV đã xác nhận	Tỉ lệ ĐTV xác nhận	Tỉ lệ hoàn thành
5	Huyện Buôn Đôn	45	0	45	0	0	45	100	100
6	Huyện Cư M'gar	98	0	98	0	0	98	100	100
7	Huyện Krông Búk	55	1	54	0	0	54	98,18	98,18
8	H. Krông Năng	75	2	73	0	40	33	44	97,33
9	Huyện Ea Kar	90	1	89	0	0	89	98,89	98,89
10	Huyện M'Đrắk	56	0	56	0	0	56	100	100
11	H. Krông Bông	61	0	61	0	0	61	100	100
12	Huyện Krông Pắc	111	0	108	3	97	11	9,91	97,3
13	H. Krông A Na	55	0	55	0	0	55	100	100
14	Huyện Lắk	53	0	53	0	53	0	0	100
15	Huyện Cư Kuin	66	1	65	0	0	65	98,48	98,48
16	Các Sở, Ngành	65	13	52	0	30	22	33,85	80

## B. Hiệp hội:

ST T	Đơn vị hiệp hội	Được giao	Đang kê khai	Đã hoàn thành	Chưa kê khai	Đã hoàn thành - chưa xác nhận	Đã hoàn thành - đã xác nhận	Tỉ lệ ĐTV xác nhận	Tỉ lệ hoàn thành
	<b>Tổng</b>	<b>165</b>	<b>2</b>	<b>154</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>150</b>	<b>90,91</b>	<b>93,3</b>
1	Buôn Ma Thuột	16	0	14	2	0	14	87,5	87,5
2	Thị Xã Buôn Hồ	11	0	11	0	0	11	100	100
3	Huyện Ea H'leo	8	0	8	0	0	8	100	100
4	Huyện Ea Súp	6	0	5	1	4	1	16,67	83,33
5	Huyện Buôn Đôn	11	0	11	0	0	11	100	100
6	Huyện Cư M'gar	7	0	7	0	0	7	100	100
7	Huyện Krông Búk	9	0	9	0	0	9	100	100
8	H. Krông Năng	9	0	9	0	0	9	100	100
9	Huyện Ea Kar	13	0	13	0	0	13	100	100
10	Huyện M'Đrắk	8	0	8	0	0	8	100	100
11	H. Krông Bông	6	0	6	0	0	6	100	100
12	Huyện Krông Pắc	4	0	4	0	0	4	100	100
13	H. Krông A Na	11	0	11	0	0	11	100	100
14	Huyện Lắk	11	0	11	0	0	11	100	100
15	Huyện Cư Kuin	10	0	10	0	0	10	100	100
<b>16</b>	<b>Sở LĐTBXH</b>	<b>25</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>68</b>	<b>68</b>

### C. Doanh nghiệp:

STT	Tên đơn vị	Tổng số Doanh nghiệp	Đã hoàn thành kê khai		Doanh nghiệp Đang kê khai	Doanh nghiệp Chưa kê khai	Tỷ lệ hoàn thành kê khai (%)	
			Số lượng DNTB	DN đã được ĐTV xác nhận hoàn thành			Số lượng DNTB	DN đã được ĐTV xác nhận hoàn thành
	<b>Tổng</b>	<b>7762</b>	<b>962</b>	<b>378</b>	<b>311</b>	<b>6489</b>	<b>12,39</b>	<b>4,87</b>
1	Buôn Ma Thuột	4543	378	249	115	4050	8.32	5.48
2	Thị Xã Buôn Hồ	307	16	5	1	290	5.21	1.63
3	Huyện Ea H'leo	313	55	0	30	228	17.57	0.00
4	Huyện Ea Súp	146	8	1	2	136	5.48	0.68
5	Huyện Buôn Đôn	110	14	0	21	75	12.73	0.00
6	Huyện Cư M'gar	386	94	19	36	256	24.35	4.92
7	H. Krông Búk	151	68	5	7	76	45.03	3.31
8	H. Krông Năng	286	34	0	28	224	11.89	0.00
9	Huyện Ea Kar	480	50	6	12	418	10.42	1.25
10	Huyện M'Đrắk	124	32	3	4	88	25.81	2.42
11	H. Krông Bông	93	33	0	8	52	35.48	0.00
12	Huyện Krông Pắc	403	110	90	23	270	27.30	22.33
13	H. Krông A Na	197	23	0	7	167	11.68	0.00
14	Huyện Lắk	59	33	0	9	17	55.93	0.00
15	Huyện Cư Kuin	164	14	0	8	142	8.54	0.00

## II. CÁC LỖI SAI SÓT

### 1/ Đối với các đơn vị sự nghiệp và hiệp hội:

#### a/ Các lỗi sai sót:

Qua theo dõi, kiểm tra cho thấy hầu hết các huyện, thành phố, thị xã đã thực hiện khá tốt việc thu thập thông tin các đơn vị sự nghiệp và hiệp hội tại địa bàn cấp huyện quản lý. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít đơn vị vẫn chưa được thực hiện việc kê khai hoặc đã kê khai nhưng chưa hoàn thành, chưa hoàn thiện phiếu do còn có nhiều sai sót, thiếu thông tin,... Tập trung chủ yếu ở các câu sau:

- Sai sót, không Logic giữa Câu A2.1 “Lao động có tại thời điểm 01/01/2020” với câu A2.3 “Lao động trả lương tháng 01 năm 2020”; hoặc giữa câu A2.2 “Lao động có tại thời điểm 31/12/2020” với câu A2.3 “Lao động trả lương tháng 12 năm 2020”;

- Sai sót câu A2.4 Số lượng biên chế được giao (mã 01) và Số lượng biên chế thực hiện: Đa số các đơn vị Chỉ lấy số bình quân của 1 năm;

- Sai đơn vị tính ở câu A3.1, câu A3.2, câu A4.1 và câu A4.2: Có nhiều đơn vị ghi bằng “đồng” hoặc “ngàn đồng”;

- Sai sót nhiều nhất, có hệ thống là Câu A3.1, như:

+/ Ghi chưa đúng “Tổng tài sản” (mã 01); “Tài sản cố định” (mã 02)

+/ chưa logic giữa câu A3.2 “Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ trong năm 2020” với câu A3.1 phần “Nguyên giá” (mã 03);

+/ Sai sót phần “Giá trị Hao mòn lũy kế” (mã 04) cuối năm so với đầu năm: Hầu hết các đơn vị đều ghi đầu năm và cuối năm bằng nhau.

+/ Một số đơn vị hiểu và ghi nhầm câu A3.1, mã 5 “Xây dựng cơ bản dở dang” bằng (=) câu A3.2 “Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ”.

- Câu A4.1: Hầu hết không ghi, không có số liệu “Chi phí hao mòn TSCĐ” (mã 9, mã 19) hoặc có nhưng không logic với câu A3.1, mã 04.

- Câu A4.2: Thường ghi sai “Mã sản phẩm” hoặc chưa logic giữa cột “Chi phí hoạt động/SXKD” với tổng chi phí ở câu A4.1 (mã 5 + mã 13).

#### **b/ Phương pháp kiểm tra, xác minh và hoàn thiện phiếu điều tra**

Để đảm bảo việc kê khai thông tin phiếu Tổng điều tra hoàn thành theo đúng kế hoạch (**trước 30/4/2021**) và đảm bảo chất lượng cao, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính tỉnh Đắk Lắk năm 2021 hướng dẫn cụ thể phương pháp kiểm tra, xác minh và hoàn thiện phiếu điều tra trước khi xác nhận hoàn thành. Cụ thể như sau:

#### **MỤC A2. THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ:**

- Câu A2.1 “Lao động có tại thời điểm 01/01/2020” thường bằng (=) câu A2.3 “Lao động trả lương tháng 01 năm 2020”;

- Câu A2.2 “Lao động có tại thời điểm 31/12/2020” thường bằng (=) câu A2.3 “Lao động trả lương tháng 12 năm 2020”;

- Câu A2.4 Số lượng biên chế được giao (mã 01) và Số lượng biên chế thực hiện (mã 02): Câu này lấy số lao động cộng dồn trong 6 năm (từ 2015 – 2020). Ví dụ:

<b>Năm</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>
- Số biên chế được giao (người)	50	50	52	55	55	60
- Số biên chế thực hiện (người)	50	50	50	54	55	60

Như vậy, tính để ghi vào phiếu như sau:

+/ Số biên chế được giao = 50+50+52+55+55+60 = 322 người;

+/ Số biên chế thực hiện = 50+50+50+54+55+60 = 319 người.

### MỤC A3. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ

- Đơn vị tính ở các câu A3.1, câu A3.2, câu A4.1 và câu A4.2 là: “**Triệu đồng**” (Có thể lấy sau dấu chấm phẩy 1 chữ số);

- Đối với câu A3.1:

+/ Trong trường hợp đơn vị được cấp sử dụng tài sản nhưng không trực tiếp quản lý tài sản, không hạch toán tài sản cố định đó vào báo cáo tài chính thì đơn vị không kê khai TSCĐ vào phiếu. *Chỉ kê khai phần “Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử” vào câu A4.1 (mã 08).*

+/ “Tổng tài sản” (mã 01) đầu năm và cuối năm: Bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang,... Vì vậy: mã 01 “Tổng tài sản” luôn lớn hơn hoặc bằng dòng mã 02 “Tài sản cố định” cộng mã 05 “xây dựng cơ bản dở dang”

*Dòng mã 01 > (hoặc) = dòng mã 02 + dòng mã 05*

+/ “Tài sản cố định” (mã 02)

*Dòng mã 01 = dòng mã 03 – dòng mã 04*

+/ “Nguyên giá”: *dòng mã 3, cuối năm = đầu năm + tăng trong năm*

*Lưu ý: Câu A3.2 Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ trong năm cũng chính là phần làm tăng “Nguyên giá” TSCĐ và được cộng vào Nguyên giá TSCĐ cuối năm.*

+/ “Giá trị hao mòn lũy kế” (mã 04): Cột cuối năm (cột 1) thường lớn hơn cột đầu năm (cột 2). Vì trong năm có trích khấu hao và được cộng dồn đến cuối năm;

*Dòng mã 04 (cuối năm) > (đầu năm)*

*Lưu ý: mã 04 (cuối năm) < (đầu năm) trong trường hợp trong năm có tăng/giảm TSCĐ.*

### MỤC A4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

- Câu A4.1: Chi phí hao mòn TSCĐ (mã 09, mã 19) được lấy từ việc trích khấu hao trong năm: Nếu Câu A3.1, dòng mã 03 “Nguyên giá” đầu năm và cuối năm không thay đổi thì phần chênh lệch hao mòn cuối năm trừ đầu năm (dòng mã 04) sẽ bằng tổng các mã (09 + 19) của câu A4.1. Khi đó:

*Dòng mã (09 + 19) câu A4.1 = Mã 04 (đầu năm – cuối năm) câu A3.1.*

- Câu A4.2:

+/ Cột “Mã sản phẩm” phải căn cứ vào hoạt động chính (chức năng, nhiệm vụ) của đơn vị để chọn mã ngành phù hợp.

+/ Kiểm tra logic giữa cột “Chi phí hoạt động/SXKD” với tổng chi phí ở câu A4.1 (mã 5 + mã 13).

*Tổng chi phí các ngành Câu A4.2 = Câu A4.1 (Mã 05 + mã 13)*

## **2/ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã:**

- Các lỗi nhầm lẫn:

+ Lỗi đơn vị tính: Trong báo cáo tài chính doanh nghiệp đơn vị tính là “*Đồng*”, nhưng quy định trong phiếu điều tra doanh nghiệp đơn vị tính là “*Triệu đồng*”. Tuy nhiên, nhiều khi doanh nghiệp không để ý nên điền thông tin bị nhầm;

+ Phần tài sản đầu kỳ và cuối kỳ: Cần lưu ý cột đầu kỳ và cuối kỳ trong báo cáo quyết toán doanh nghiệp bị ngược so với trên webform điều tra DN, nên dễ bị nhầm.

- Các lỗi do kê khai:

+ Trường hợp kê toán làm cho nhiều DN và kê khai từ 1 máy, DN sau sẽ không lưu thông tin được nếu như không thoát trình duyệt Chrome hay các trình duyệt web khác, lỗi này xảy ra do lưu thông tin đăng nhập của DN kê khai trước đó;

+ Các chỉ tiêu Doanh thu, Chi phí và lao động giữa các mục không bằng nhau;

+ Phần B điền các thông tin không logic với phần A,...

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính tỉnh Đắk Lắk năm 2021 yêu cầu:

- Tiếp tục rà soát, bổ sung các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội còn thiếu (Lưu ý: Để tránh trùng hoặc không đúng đối tượng điều tra, các huyện, thị xã, thành phố phát hiện còn có đơn vị nào sót cần bổ sung thì báo cáo về Tổ Thường trực (qua đồng chí Long, SĐT: 0941427447) để kiểm tra sau đó thông báo cho cấp huyện điều tra (nếu có);

- Triển khai ngay công tác kiểm tra, xác minh, hoàn thiện phiếu và xác nhận hoàn thành phiếu điều tra (như hướng dẫn ở trên) đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ và có chất lượng cao;

Trong quá trình thực hiện, nếu cần trao đổi thông tin, đề nghị liên hệ phòng Thu thập thông tin thống kê theo:

Đối với khối doanh nghiệp, HTX gặp đ/c Võ Đăng Khoa, điện thoại 0905002665; khối sự nghiệp, hiệp hội gặp đ/c Võ Trường Sơn, số điện thoại 0905703555 hoặc đ/c Nguyễn Thị Hương, số điện thoại 0982850373 để xử lý kịp thời.

Đề nghị Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác chỉ đạo, kịp thời phổ biến đến các điều tra viên, giám sát viên nhằm thực hiện hoàn thành tốt cuộc Tổng điều tra./.

***Nơi nhận :***

- Như trên;
- Lãnh đạo CTK (chỉ đạo);
- TCHC (p/h);
- Kế toán (p/h);
- Lưu: VT, TTT.

**KT.TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ  
Đỗ Tấn Xuân**